

## **PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 59/2018/TT-BGTVT ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Mẫu số 01	Công thức tính toán mức tiêu thụ nhiên liệu
Mẫu số 02	Báo cáo thử nghiệm mức tiêu thụ nhiên liệu
Mẫu số 03	Bản công khai mức tiêu thụ nhiên liệu của kiểu loại xe
Mẫu số 04	Báo cáo định kỳ về việc dán nhãn năng lượng

## CÔNG THỨC TÍNH TOÁN MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU

1. Đối với xe sử dụng nhiên liệu xăng:

$$FC = \frac{0,1155}{D} (0,866 \times HC + 0,429 \times CO + 0,273 \times CO_2);$$

2. Đối với xe sử dụng nhiên liệu đêzen:

$$FC = \frac{0,1160}{D} (0,862 \times HC + 0,429 \times CO + 0,273 \times CO_2);$$

3. Đối với xe sử dụng nhiên liệu LPG:

$$FC = \frac{0,1212}{0,538} (0,825 \times HC + 0,429 \times CO + 0,273 \times CO_2);$$

4. Đối với xe sử dụng nhiên liệu NG:

$$FC = \frac{0,1336}{0,654} (0,749 \times HC + 0,429 \times CO + 0,273 \times CO_2);$$

Trong đó:

FC: mức tiêu thụ nhiên liệu đo được từ phép thử Loại I, đơn vị là l/100km đối với nhiên liệu: xăng, đêzen, LPG; là m<sup>3</sup>/100km đối với nhiên liệu NG;

HC: lượng hydrô cacbon đo được, đơn vị là g/km;

CO: lượng cacbon mônôxít đo được, đơn vị là g/km;

CO<sub>2</sub>: lượng cacbon điôxít đo được, đơn vị là g/km;

D: khối lượng riêng của nhiên liệu thử nghiệm, đơn vị là kg/l.

**BÁO CÁO THỬ NGHIỆM MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU**

Số: .....

1. Tên cơ sở sản xuất/nhập khẩu: .....
- 1.1. Địa chỉ: .....
2. Xe
  - 2.1. Loại phương tiện: xe mô tô 2 bánh/xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác: .....<sup>(1)</sup>
  - 2.2. Nhãn hiệu:.....
  - 2.3. Tên thương mại:.....
  - 2.4. Mã kiểu loại (số loại):.....
  - 2.5. Khối lượng bản thân: ..... kg
  - 2.6. Khối lượng chuẩn: ..... kg
  - 2.7. Khối lượng toàn bộ lớn nhất:..... kg
  - 2.8. Động cơ
    - 2.8.1. Kiểu động cơ:..... loại động cơ: .....
    - 2.8.2. Thể tích làm việc (dung tích xy lanh):..... cm<sup>3</sup>
    - 2.8.3. Tốc độ không tải nhỏ nhất: ..... rpm
    - 2.8.4. Tốc độ tại công suất lớn nhất:..... rpm
    - 2.8.5. Công suất lớn nhất: ..... kW
  - 2.9. Hệ thống cung cấp nhiên liệu
    - 2.9.1. Bể bộ chế hoà khí: có/không <sup>(1)</sup>
      - Nhãn hiệu: .....
      - Kiểu: .....
    - Hoặc
    - 2.9.2. Bể hệ thống phun nhiên liệu: có/không<sup>(1)</sup>
      - Nhãn hiệu: .....
      - Kiểu: .....
      - Mô tả chung:.....
  - 2.10. Hộp số
    - 2.10.1. Điều khiển: cơ khí/ tự động<sup>(1)</sup>
    - 2.10.2. Số lượng tỷ số truyền:.....
    - 2.10.3. Tỷ số truyền từng cấp số:...../...../...../...../...../...../.....

2.10.4. Tỷ số truyền cuối cùng: .....

2.11. Lớp

2.11.1. Ký hiệu cỡ lốp trục 1: ..... áp suất:..... kPa

2.11.2. Ký hiệu cỡ lốp trục 2: ..... áp suất:..... kPa

2.12. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định:..... km/h

3. Thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Nhiên liệu thử nghiệm: .....

3.2. Kết quả thử nghiệm theo chu trình: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/....<sup>(1)</sup>

Hạng mục	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm			
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Trung bình
CO	g/km				
HC	g/km				
HC + NO	g/km				
CO <sub>2</sub>	g/km				
Quãng đường chạy	km				
Lượng nhiên liệu tiêu thụ	l				
Mức tiêu thụ nhiên liệu	l/100 km				

4. Xe mẫu thử nghiệm

4.1. Số khung: .....

4.2. Số động cơ: .....

4.3. Ảnh chụp xe:

5. Ghi chú: .....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**Cơ sở thử nghiệm**  
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

<sup>(1)</sup>Gạch ngang phần không áp dụng.

Mẫu số 04

**TÊN CƠ SỞ SẢN  
XUẤT/NHẬP KHẨU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG**

(Từ ngày.... tháng.....năm đến ngày.... tháng.....năm.....)

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

.....  
.....

Người đại diện (Ông/Bà): .....

Điện thoại:....., Email:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số ...../...../TT-BGTVT ngày .... tháng .... năm ... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, cơ sở sản xuất/ nhập khẩu xin được báo cáo việc dán nhãn năng lượng cho xe như phụ lục kèm theo./.

**Người lập bảng báo cáo**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**Cơ sở sản xuất/nhập khẩu**  
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ VIỆC DÁN NHÃN NĂNG LƯỢNG**

Số ..... ngày .... tháng.... năm .....

Thông tin về kiểu loại xe	Kiểu loại xe				
	1	2	3	---	
<b>1. Báo cáo số lượng các kiểu loại xe dán nhãn năng lượng (số liệu theo chu kỳ 12 tháng)</b>					
<b>Loại phương tiện</b> ( <i>Vehicle Type</i> )	L3	L3	L3		
<b>Nhãn hiệu</b> ( <i>Make/Mark</i> )	HONDA	HONDA	HONDA	---	
<b>Tên thương mại</b> ( <i>Commercial name</i> )	AIR BLADE	CPX	WAVE		
<b>Mã kiểu loại (Số loại)</b> ( <i>Model code</i> )	JF650	KF50	JA360		
<b>Kiểu động cơ</b> ( <i>Engine model</i> )	HONDA JF65E	HONDA KF50E	HONDA JA36E		
<b>Loại động cơ</b> ( <i>Engine type</i> )	Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh	Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh	Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh		
<b>Loại nhiên liệu</b> ( <i>Type of fuel</i> )	Xăng không chì $\geq$ RON 92	Xăng không chì $\geq$ RON 92	Xăng không chì $\geq$ RON 92		
<b>Kiểu hộp số</b> ( <i>Gear box type</i> )	Vô cấp, tự động	Vô cấp, tự động	Cơ khí, 4 số tiền		
<b>Khối lượng bản thân</b> ( <i>Kerb mass</i> )					
<b>Khối lượng toàn bộ lớn nhất</b> ( <i>Gross mass</i> )					
<b>Số lượng nhãn năng lượng đã dùng</b> ( <i>No. of labels used</i> )					
<b>Mức TTNL công bố</b> ( <i>Registered</i> )					
<b>Số GCN kiểu loại (số GCN xe nhập khẩu thử nghiệm)</b> ( <i>Certificate No.</i> )					
<b>Ghi chú (nếu có)</b>					
<b>2. Báo cáo về tiêu thụ nhiên liệu trung bình chung trong 01 năm của mỗi Cơ sở sản xuất và/hoặc nhập khẩu:</b>					
	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>---</b>	<b>Tổng hợp</b>
Số lượng xe sản xuất, lắp ráp và/hoặc nhập khẩu ( <i>chiếc</i> ) (3)					$\Sigma$ (3)
Mức TTNL được thử nghiệm ( <i>l/100 km</i> ) (4)					
<b>Tổng TTNL</b>					$\Sigma$ (5)

$(l/100 \text{ km})$ $(5) = (3) \times (4)$					
TTNL trung bình chung $(l/100 \text{ km})$ (6)					$\Sigma (5) / \Sigma (3)$